TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 11 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Ngọc Thưởng.
Bà Nguyễn Thị Vẹn.
- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 22/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/QĐXX-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1996; Địa chỉ: Nhà số 359, ấp O, xã B, thị xã K, tỉnh L (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bá Văn T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Nhà số 359, ấp O, xã B, thị xã K, tỉnh L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Trần Thị M và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày: Vào năm 2013 sau thời gian tìm hiểu bà với ông T thương yêu và tiến hành tổ chức lễ cưới, nhưng đến năm 2014 hai người mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K, tỉnh L. Hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu rất đầm ấm, đến năm 2016 ông T sanh tật uống rượu không lo cho gia đình, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không ghe. Từ đó, tình cảm vợ chồng thường xuyên cải vã, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng rạn nứt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện tại bà và ông T đã sống ly thân nên không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống có người con chung tên Bá Thị Thủy T, sinh ngày 09/02/2014, giới tính nữ. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà M Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại biên bản hòa giải ngày 13/8/2019 bà M yêu cầu ly hôn còn ông T không đồng ý nên cuộc hòa giải đoàn tụ không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Trần Thị M làm đơn khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu nuôi con đối với ông Bá Văn T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Nhà số 359, ấp O, xã B, thị xã K, tỉnh L, Tòa án nhân dân thị xã Kiến tường thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thị M với ông Bá Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K, tỉnh L. Đây là hôn nhân hợp pháp nên Tòa án thụ ký giải quyết là phù hợp với với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa bà Trần Thị M xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với ông Bá Văn T, không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Còn ông T không đồng ý ly hôn vì ông rất thương vợ, thương con, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, Tuy nhiên ông T không đưa ra được điều kiện để hàn gắn, khắc phục những khuyết điểm của mình để bà M tha thứ và bà M không đồng ý hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con chung. Qua lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa bà M với ông T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quí trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa bà Trần Thị M yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con tên Bá Thị Thủy T, sinh ngày 09/02/2014. Xét thấy, yêu cầu của bà M là hoàn toàn tự nguyện, đúng với nguyện vọng của cháu Tiên và từ khi bà với ông T sống ly thân đến nay bà M chăm sóc người con chung phát triển bình thường như bao trẻ khác. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà M phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà M không yêu cầu nhưng ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Bá Thị Thủy T hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, sự tự nguyện của ông T là phù hợp với quy định tại 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận sự tự nguyện của ông Bá Văn T.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị M và ông Bá Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bà Trần Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và ông Bá Văn T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81 đến Điều 84 và Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M đối với ông Bá Văn T.

Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị M ly hôn với ông Bá Văn T.

Về con chung: Tiếp tục giao người con chung tên Bá Thị Thủy T, sinh ngày 09/02/2014, giới tính nữ cho bà Trần Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc ngây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện của ông Bá Văn T. Ông Bá Văn T cấp dưỡng nuôi người con chung tên Bá Thị Thủy T, sinh ngày 09/02/2014 hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến khi cháu Bá Thị Thủy Tiên tròn 18 tuổi.

Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0007225 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà Trần Thị M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Bá Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã Bình Hiệp, TX Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trình Văn Út